TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2023/HNGĐ-PT Ngày: 30 - 3 - 2023 V/v: Ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh;

Ông Lại Văn Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 516/2022/HNGĐ – ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐXX-PT ngày 03 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hàn Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ đăng ký thường trú và địa chỉ cư trú: số 77 đường M, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1963; Địa chỉ đăng ký thường trú và địa chỉ cư trú: số 77 đường M, phường Q, thành phố Đ, tỉnh Nam Định.

Người kháng cáo: Anh Trần Ngọc T là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt chị H, anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 03-10-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Hàn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Đ vào ngày 18-3-1988. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống và về vấn đề kinh tế nên đã nảy sinh nhiều xung đột, cãi vã. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân

từ tháng 7 năm 2018 cho đến nay và không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải H1, sinh ngày 11-02-1988, giới tính: Nam và Trần Hà H2, sinh ngày 21-6-1996, giới tính: Nam. Hiện nay các con đều đã trưởng thành tự lập nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11-10-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Trần Ngọc T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Ngọc T là ông Khương Ngọc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Hàn Thị H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, bất đồng về kinh tế. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị H vì vợ chồng chưa giải quyết xong vấn đề tài sản chung và vay nợ chung.

Về con chung: Anh T cũng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Hải H1, sinh ngày 11-02-1988, giới tính: Nam và Trần Hà H2, sinh ngày 21-6-1996, giới tính: Nam. Hiện nay các con đều đã trưởng thành tự lập nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Tại đơn phản tố đề ngày 25-10-2022 anh T yêu cầu chia các tài sản như sau: Xác nhận thửa đất tại địa chỉ 77 Máy Tơ thuộc quyền sử dụng của ông Trần Đức N và bà Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật; Xác định các tài sản trên đất của thửa đất 77 Máy Tơ là tài sản chung của vợ chồng và chia theo quy định của pháp luật (trong đó có sự đóng góp của bà Nguyễn Thị L xây dựng tầng một là 100.000.000 đồng); Yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 300.000.000 đồng (anh T đang quản lý) và số tiền 550.000.000 đồng (chị H quản lý); Đề nghị chia đôi số tiền thu nhập kể từ ngày anh Trần Ngọc T bỏ đi (Thu nhập bình quân khoảng từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/ngày)

* Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ ngày 15-12-2022 tại Ủy ban nhân dân phường Q xác nhận quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống và đã sống ly thân.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 516/2022/HNGĐ–ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo quyết định:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hàn Thị H và anh Trần Ngọc T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hàn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai số 0005514 ngày 05-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ.

* Tại đơn kháng cáo ngày 13/01/2023 anh Trần Ngọc T kháng cáo không đồng ý ly hôn.

* Tại phiên toà các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu như đã nêu trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 516/2022/HNGĐ – ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Trần Ngọc T là hợp lệ và làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hàn Thị H và anh Trần Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Đ năm 1988 nên hôn nhân hợp pháp. Anh chị đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về kinh tế, quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ 2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm xử cho anh chị ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng chưa giải quyết xong vấn đề chia tài sản chung là không có cơ sở chấp nhận. Vì sau khi ly hôn nếu anh chị không thỏa thuận được việc phân chia tài sản thì có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.2] Từ những phân tích nhận định nêu trên, xét thấy những quyết định của bản án sơ thẩm là phù hợp và có căn cứ pháp luật, tại cấp phúc thẩm bị đơn không

cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và không đưa ra được lý lẽ thuyết phục để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Ngọc T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 516/2022/HNGĐ – ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005797 ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND TP Nam Định;
- Chi cục THADS TP Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng